

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày 10-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Ông Vũ Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2024/TLST-DS ngày 05/11/2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 457/2024/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Trịnh Su R, sinh năm 1988 (có mặt)

2. Bà Trần Ngọc H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2024 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa ông Nguyễn Việt S trình bày:

Ngày 28/9/2023 bà Trần Ngọc H có vay số tiền 64.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 20%/năm, bà H cam kết thanh toán tiền nợ trước ngày 28/10/2023, khi đó bà H nhận tiền và có ký biên nhận ngày 28/9/2023. Tuy nhiên, bà H và ông Trịnh

Su R không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận, đến ngày 01/01/2024 bà H cam kết trả mỗi ngày 100.000 đồng đến khi trả hết nợ gốc và lãi, nhưng bà H và ông R trả không đầy đủ theo cam kết, tính đến ngày 11/5/2024 thì bà H và ông R có trả nhiều lần, tổng cộng 13.000.000 đồng. Ông có yêu cầu nhiều lần nhưng bà H và ông R không thanh toán nợ. Nay ông yêu cầu đối trừ số tiền nợ mà bà H và ông R đã trả 13.000.000 đồng, như vậy nợ gốc còn lại là 51.000.000 đồng. Lãi tính từ ngày 28/9/2023 đến ngày 09/10/2024 là 01 năm 11 ngày, lãi suất 20%/năm là 10.507.397 đồng, tổng tiền gốc và lãi tính đến ngày 09/10/2024 là 61.507.397 đồng, yêu cầu bà H và ông R trả 61.507.397 đồng, ông yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 10/10/2024 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/12/2024 của Tòa án, bà Trần Ngọc H trình bày:

Bà có vay của ông Nguyễn Việt S số tiền gốc là 64.000.000 đồng vào ngày 28/9/2023, thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ đúng như ông S trình bày, khi vay bà có ký biên nhận ngày 28/9/2023. Sau khi vay bà không có khả năng trả lãi cho ông S theo thỏa thuận và cam kết. Bà có trả cho ông S đến ngày 11/5/2024 là 13.000.000 đồng, đối trừ nợ gốc còn lại là 51.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho ông S số tiền nợ gốc là 51.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi theo thỏa thuận 20%/năm theo yêu cầu của ông S do bà đang gặp khó khăn về kinh tế. Số tiền trên bà vay về để sử dụng chung trong gia đình cùng với ông Trịnh Su R, đây là nợ chung của hai vợ chồng.

Ông Trịnh Su R trình bày:

Ông xác định quá trình bà Trần Ngọc H vay số tiền 64.000.000 đồng thì ông không biết. Tuy nhiên, ông và bà H hiện là vợ chồng, sống chung, làm ăn kinh tế chung nên ông đồng ý liên đới nghĩa vụ trả nợ cùng với bà Trần Ngọc H số tiền gốc 51.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi như bà H đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Việt S khởi kiện ông Trịnh Su R và bà Trần Ngọc H yêu cầu trả tiền nợ vay nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Trịnh Su R và bà Trần Ngọc H cư trú tại Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bà Trần Ngọc H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ông Nguyễn Việt S xác định bà Trần Ngọc H có vay 64.000.000 đồng, đã trả 13.000.000 đồng và còn nợ số tiền 51.000.000 đồng. Nay ông S yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 51.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 28/9/2023 đến ngày 09/10/2024 là 01 năm 11 ngày, lãi suất 20%/năm là 10.507.397 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 10/10/2024 đến khi xét xử xong vụ án. Tại phiên hòa giải, bà Trần Ngọc H thừa nhận có nợ đúng như ông S trình bày, nay bà H đồng ý trả 51.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi. Xét thấy, tại biên nhận ngày 28 tháng 9 năm 2023 có thỏa thuận lãi 20%/năm và thỏa thuận thanh toán nợ trước ngày 28/10/2023. Do đó, bà H phải có nghĩa vụ trả lãi 20%/năm (tức 1,66%/tháng) là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Thời gian vay và vi phạm nghĩa vụ là từ ngày 28/9/2023 đến ngày xét xử vụ án là ngày 10/01/2025 là 15 tháng 13 ngày: $51.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 15 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} = 13.063.650 \text{ đồng}$. Tổng tiền vốn và lãi là 64.063.650 đồng.

[4] Ông Trịnh Su R là chồng của bà Trần Ngọc H, việc vay nợ thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, bà H xác định vay về để sử dụng chung trong gia đình, tại phiên tòa ông Trịnh Su R đồng ý liên đới nghĩa vụ trả nợ với bà Trần Ngọc H, nên buộc ông Trịnh Su R liên đới nghĩa vụ trả nợ với bà Trần Ngọc H là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Nguyễn Việt S được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí, ông Trịnh Su R và bà Trần Ngọc H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ tRn,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S. Buộc bà Trần Ngọc H và ông Trịnh Su R liên đới nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền nợ vay vốn và lãi là 64.063.650 đồng (sáu mươi bốn triệu không trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Ngọc H và ông Trịnh Su R phải chịu 3.203.000 đồng. Ông Nguyễn Việt S đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 1.538.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003504 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Nay hoàn trả toàn bộ cho ông Nguyễn Việt S 1.538.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- CCTHADS huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Vẹn